CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ PHÚC SƠN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 190/BCB- BVĐKPS

Thái Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: - Bộ Y tế.
- Cục Quản lý khám chữa bệnh.
- Sở Y tế Thái Bình

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn.**

Giấy phép hoạt động số 284/BYT-GPHĐ, của Bộ Y tế cấp ngày 27/08/2020

Địa chỉ: Thôn Bái Thượng, xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: BSCKI. Phạm Minh Quý

Điện thoại liên hệ: 0888.838.115 - 0976259378. Email: bvphucson@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ y khoa.

- Bác sĩ chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu, Nội khoa, Nhi Khoa, Gây mê hồi sức, Ngoại, Phụ sản, Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Huyết học, Sinh học, bác sỹ Y học dự phòng, Y học cổ truyền.

- Điều dưỡng.

- Kỹ thuật Y: Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng

- Hộ sinh.

- Y sỹ: Y sỹ, Y sỹ Y học cổ truyền.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo)

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: Theo quy định hiện hành của Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn cụ thể như sau:

- Đối với Bác sỹ, Y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y công tác tại Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn: Không thu phí thực hành

- Đối với Điều dưỡng, Kỹ thuật y, Y sỹ, Hộ sinh, kinh phí đào tạo: 500.000 đồng/ tháng x số tháng thực hành.

- Đối với Bác sỹ kinh phí đào tạo: 1.000.000 đồng/ tháng x số tháng thực hành.

Cơ sở cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.

Nơi nhận
- Như kính gửi;
- Lưu VT-HC.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ PHÚC SƠN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC SƠN

GIÁM ĐỐC
BSCKI. Đặng Thị Thoi

KẾ HOẠCH
ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC SƠN

(Ban hành kèm theo Bản công bố số 190/BCB- BVPS ngày 01/07/2024 của Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các học viên (HV) tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe như sau:

I.MỤC TIÊU

1.Mục tiêu chung: Học viên sau quá trình thực hành sẽ có khả năng thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể: Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai: Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện

2. Thời gian thực hiện: Cả năm

3. Đối tượng: Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe chưa trải qua thời gian thực hành có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

a. Nội dung: (mỗi nội dung 2-4 giờ tín chỉ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện.

b. Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng

2.1 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là bác sỹ Y khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng : Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng: Trong đó thực hành tại khoa Nội 2 tháng, khoa Ngoại tổng hợp - Gây mê hồi sức 2 tháng, Thực hành nhi khoa 01 tháng, sản 01 tháng tại khoa Sản phụ khoa – Nhi. Thực hành Tai mũi họng 0.5 tháng, Răng hàm mặt 0.5 tháng, Mắt 0.5 tháng tại khoa Liên chuyên khoa, khoa Da liễu 0.5 tháng, khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng 1 tháng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh Y khoa

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nội khoa

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 3 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nội tổng hợp.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.3 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Ngoại khoa

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 3 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp – Gây mê hồi sức

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và phụ lục XIX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Sản khoa

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 3 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Sản Phụ sản - Nhi.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nhi khoa

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 3 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Sản phụ khoa - Nhi.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Y học cổ truyền

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 3 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Răng hàm mặt

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 3 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Y học dự phòng

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 3 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 3 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng: Trong đó thực hành tại khoa Nội tổng hợp 2 tháng, khoa Ngoại tổng hợp – Gây mê hồi sức 1 tháng, Thực hành Nhi khoa 1 tháng, Sản khoa 1 tháng tại khoa Sản phụ khoa - Nhi, thực hành Tai mũi họng 0.5 tháng, khoa Răng hàm mặt 0.5 tháng, khoa Mắt 0.5 tháng tại khoa Liên chuyên khoa, Da liễu 0.5 tháng tại phòng khám da liễu, khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng 1 tháng, khoa Khám bệnh 1 tháng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học dự phòng.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng đa khoa

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 01 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 01 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội tổng hợp là 2 tháng , khoa Ngoại tổng hợp - Gây mê hồi sức 1 tháng, Nhi 1 tháng, Phụ sản 1 tháng tại khoa Sản phụ khoa - Nhi).

b. Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong mục lục I, II phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Xét nghiệm y học

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 01 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 01 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó thực hành tại khoa Xét nghiệm là 5 tháng).

b. Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong mục lục II phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hình ảnh y học

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 01 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 01 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng.

b. Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong mục lục I phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Phục hồi chức năng

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 01 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 01 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong mục lục III phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức cấp cứu là 01 tháng: Thực hành tại khoa Hồi sức cấp cứu 01 tháng.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Sản Phụ khoa - Nhi.

b. Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Hướng dẫn thực hành lâm sàng đối với bác sĩ thực hành chuyên khoa (Có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa cơ bản 9+9 tháng thực hành chuyên khoa)

3.1. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Nội khoa cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nội tổng hợp.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Ngoại khoa cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp – Gây mê hồi sức

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và phụ lục XIX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.3. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Sản phụ khoa cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa 9 tháng tại khoa Sản Phụ sản - Nhi.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Nhi khoa cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi 9 tháng tại khoa Sản phụ khoa - Nhi.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.5. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền 9 tháng tại khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.6. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Phục hồi chức năng cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng 9 tháng tại khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Răng hàm mặt cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Tai Mũi Họng cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Mắt cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh 9 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Nội soi tiêu hóa cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội soi tiêu hóa 9 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội soi tiêu hóa

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.12. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Gây mê hồi sức cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Gây mê hồi sức 9 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp – Gây mê hồi sức

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và phụ lục XIX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.13. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ có chứng chỉ đào tạo định hướng chuyên khoa Hồi sức cấp cứu cơ bản

a. Thời điểm và thời gian thực hành

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 9 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và phụ lục XIX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người chịu trách nhiệm đào tạo: Giám đốc chuyên môn Bệnh viện

- Chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo và kết quả đào tạo tại Bệnh viện (trách nhiệm chung).

- Phê duyệt kế hoạch đào tạo và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch.

- Quyết định phân công, chỉ đạo cá nhân hoặc bộ phận làm quản lý đào tạo.

- Ký và phân công người đại diện ký xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch tổng hợp:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình Lãnh đạo bệnh viện phê duyệt.

- Phối hợp các trưởng/phó khoa liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể cho khóa đào tạo.

- Điều phối hoạt động đào tạo thực hành .

- Đánh giá mức độ hoàn thành cuối kỳ của học viên.

- Phối hợp với các trưởng khoa đề xuất việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung đào tạo phương thức tổ chức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, trình Giám đốc phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm báo cáo đánh giá kế hoạch đào tạo định kỳ và đột xuất của bệnh viện.

- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện.

- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 07 Phụ lục I của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

3. Phòng Hành chính:

- Đăng tải công khai Kế hoạch hướng dẫn thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

4. Các khoa, phòng chịu trách nhiệm đào tạo tại khoa: Các trưởng, phó khoa liên quan

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa
- Trực tiếp tham gia hướng dẫn cho học viên
- Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên.

5. Nhiệm vụ của học viên

- Tham gia thực hành đủ thời gian như quy định.
- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bệnh viện, học tập, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công phụ trách hướng dẫn thực hành.
- Chủ động, tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định.
- Tích cực đưa ra ý kiến phản hồi để hoàn thiện kỹ năng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Thực hiện theo quy chế của Bệnh viện và kinh phí theo kế hoạch riêng.

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số 190/BCB-BVPS của Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn ngày 01/07/2024)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ngày cấp CCHN
I	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nội**				
1	Phạm Minh Quý	BSCKI	001065/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	23/9/2013
2	Đỗ Ngọc Khuê	Bác sỹ	000810/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	31/7/2013
3	Hồ Hồng Thanh	BSCKI	001274/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	14/10/2013
4	Nguyễn Tiến Thịnh	BSCKI	000050/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	29/6/2012
5	Nguyễn Ngọc Lương	BSCKI	000598/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	17/5/2013
6	Đoàn Thị Láng	Bác sỹ	0004704/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	01/7/2015
7	Bùi Thị Bích Hà	Bác sỹ	000068/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	29/6/2012
II	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu**				
1	Nguyễn Thị Tuyết	BSCKI	001508/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa. Quyết định Số 1651/QĐ-SYT ngày 31/12/2015 Bổ sung Khám bệnh chữa bệnh Hồi sức cấp cứu	26/11/2013
2	Đào Tiến Dũng	Bác sỹ	009751/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. Quyết định số 1124/QĐ-SYT ngày 26/12/2022 Bổ sung Khám bệnh chữa bệnh Hồi sức cấp cứu chống độc	05/04/2021
3	Tạ Văn Dương	BSCKI	008665/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa. Quyết định số 308/QĐ-SYT ngày 30/03/2021 Bổ sung Khám bệnh chữa bệnh Hồi sức cấp cứu	24/03/2020
III	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ngoại**				
1	Trần Duy Thi	Bác sỹ	008801/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, chấn thương	15/6/2020
2	Phạm Hồng	BSCKI	000065/TB-	Khám bệnh chữa bệnh	29/6/2012

	Mạnh		CCHN	chuyên khoa Ngoại	
3	Lê Minh Kha	BSCKII	020701/CCHN-BQP	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chung	19/02/2016
IV	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Gây mê hồi sức**				
1	Nghiêm Xuân Thi	BSCKI	011165/HNO-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Gây mê hồi sức	24/12/2013
V	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nhi**				
1	Hoàng Nguyễn Thanh	BSCK	0005958/QNI-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nhi khoa	26/11/2020
2	Nguyễn Thị Nút	Bác sỹ	000051/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nhi khoa	29/6/2012
3	Nguyễn Thị Thúy	Bác sỹ	008804/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Nhi khoa	15/6/2020
VI	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Sản**				
1	Phạm Thị Yến	BSCKI	000590/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Sản	04/04/2013
2	Nguyễn Thị Thủy	Bác sỹ	008803/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh Sản phụ khoa	15/6/2020
VII	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Y học cổ truyền - PHCN**				
1	Nguyễn Văn Bộ	BSCKI	001507/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ y truyền; Quyết định Số: 1613/QĐ-SYT ngày 30/12/2015 Bổ sung Khám bệnh chữa bệnh PHCN	26/11/2013
2	Phạm Thị Kiều Oanh	Bác sỹ	008644/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ y truyền; Quyết định Số 307/QĐ-SYT ngày 30/3/2021 Bổ sung Khám bệnh chữa bệnh PHCN	17/03/2020
3	Nghiêm Thị Hường	Bác sỹ	001651/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ y truyền; Quyết định Số 1614/QĐ-SYT ngày 30/12/2015 Bổ sung Khám bệnh chữa bệnh PHCN	26/11/2013
4	Bùi Văn Quý	Bác sỹ	008643/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh bằng Y học cổ y truyền	17/3/2020
VIII	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Mắt**				
1	Mai Văn Khánh	Bác sỹ	003689/HD-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	21/4/2014
2	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Bác sỹ	009213/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa; Quyết định số Số 1070/QĐ-SYT ngày 06/12/2022 Bổ sung Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	02/04/2021

IX	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Răng Hàm Mặt**				
1	Vũ Thị Ngọc	Bác sỹ	008785/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	02/6/2020
2	Lê Hoàng Việt	Bác sỹ	011921/NA-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	31/7/2019
3	Phan Văn Tuế	BSCKI	000057/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	29/6/2012
X	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Tai Mũi Họng**				
1	Nguyễn Văn Dũng	Bác sỹ	000053/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	29/6/2012
2	Bùi Thị Nga	Bác sỹ	000513/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	06/2/2013
XI	**Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Xét Nghiệm y học**				
1	Vũ Thị Thúy	BSCKI	002933/TB-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm	31/12/2013
2	Phạm Đình Hoàng	KVT	005943/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	06/9/2016
3	Trần Tuấn Anh	KVT	008194/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	19/7/2019
4	Lại Thu Phương	KVT	009366/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	20/7/2021
5	Đặng Thị Mai	KVT	009296/TB-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	16/6/2021
	Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh				
1	Đặng Thị Thoi	BSCKI	000015/TB-CCHN	Khám Chẩn đoán hình ảnh	29/6/2012
2	Nguyễn Duy Thanh	BSCKI	000096/TB-CCHN	Khám Chẩn đoán hình ảnh	29/6/2012
3	Phạm Văn Bằng	BSCKI	000621/TB-CCHN	Khám Chẩn đoán hình ảnh	17/5/2013
4	Nguyễn Hữu Hân	Bác sỹ	001514/TB-CCHN	Khám Chẩn đoán Xquang	26/11/2013
	Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng				
1	Bùi Thị Thúy Huyền	Điều dưỡng Đại học	006112/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	23/11/2016
2	Lê Thị Ngọc	Điều dưỡng Đại học	008839/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	30/6/2020

				nghiệp điều dưỡng	
3	Phạm Thị An	Điều dưỡng Đại học	008823/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	18/6/2020
4	Vũ Thị Bích Hạnh	Điều dưỡng CĐ	0003424/TB-CCHN	Theo QĐ số 41/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng	16/9/2014
5	Lê Thị Huệ	Điều dưỡng CĐ	0003419/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	16/9/2014
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Điều dưỡng CĐ	007810/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	28/02/2019
7	Lê Thị Kim Oanh	Điều dưỡng CĐ	006356/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	15/06/2017
8	Vũ Thị Ngoan	Điều dưỡng CĐ	006369/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	24/06/2021
9	Lê Thị Hoa Huệ	Điều dưỡng CĐ	000763/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	02/01/2018
10	Bùi Thị Thu Hằng	Điều dưỡng CĐ	006103/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	06/02/2013

11	Đào Thị Hiền	Điều dưỡng CĐ	008821/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	18/06/2020
12	Vũ Nhật Lệ	Điều dưỡng CĐ	008199/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	26/07/2019
13	Mai Thị Quyên	Điều dưỡng CĐ	007844/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	12/03/2019
14	Nguyễn Thị Hường	Điều dưỡng CĐ	008022/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	20/05/2019
15	Trần Thị Vân Anh	Điều dưỡng CĐ	008198/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	26/07/2019
16	Nguyễn Thị Nhung	Điều dưỡng CĐ	006742/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	13/11/2017
17	Nguyễn Thị Xuân	Điều dưỡng CĐ	4095/BP-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	23/10/2018
18	Trần Thị Thủy	Điều dưỡng CĐ	000764/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	02/01/2018
19	Bùi Thị Hằng	Điều	000502/TB-	Theo Thông tư số	06/02/2013

		dưỡng CĐ	CCHN	26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	
20	Nguyễn Thị Hà My	Điều dưỡng TH	007040/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	02/05/2018
21	Nguyễn Thị Thu Hà	Điều dưỡng CĐ	009295/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	16/06/2021
22	Nguyễn Thị Kim Dung	Điều dưỡng CĐ	006073/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	01/11/2016
23	Bùi Thị Nhung	Điều dưỡng CĐ	005945/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	06/9/2016
24	Nguyễn Thị Diên	Điều dưỡng CĐ	008352/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	29/10/2019
25	Nguyễn Thảo Trinh	Điều dưỡng CĐ	008822/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	18/06/2000
26	Mai Thu Huyền	Điều dưỡng CĐ	008623/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	06/03/2000
27	Đặng Thị Mai Sương	Điều dưỡng	007072/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV	15/05/2018

		TH		ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	
28	Nguyễn Thị Duyên	Điều dưỡng CĐ	008401/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	27/11/2019
29	Vũ Ngọc Quỳnh	Điều dưỡng CĐ	007211/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	29/06/2018
30	Ngô Thanh Hằng	Điều dưỡng CĐ	006282/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	19/05/2017
31	Nguyễn Thị Thùy Vân	Điều dưỡng CĐ	008812/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	18/06/2000
32	Trần Thị Phương	Điều dưỡng CĐ	008339/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	17/10/2019
33	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Điều dưỡng CĐ	006100/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	25/12/2019
34	Nguyễn Phương Anh	Điều dưỡng CĐ	009509/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	15/10/2021
35	Nguyễn Thị Diệp	Điều dưỡng CĐ	006113/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm	23/11/2016

				2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	
36	Lê Hải Hà	Điều dưỡng CĐ	006359/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	15/06/2017
37	Nguyễn Thu Trang	Điều dưỡng CĐ	004995/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	29/9/2015
38	Trần Thị Ánh	Điều dưỡng CĐ	008388/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	15/11/2019
39	Nguyễn Thị Lý	Điều dưỡng CĐ	005944/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	06/9/2016
40	Lê Thị Ninh	Điều dưỡng CĐ	006357/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	15/6/2017
41	Ngô Thị Duyên	Điều dưỡng CĐ	007831/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	11/3/2019
42	Nguyễn Thị Duyên	Điều dưỡng CĐ	008307/TB-CCHN	Theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	27/9/2019
43	Trần Thị Kim Anh	Điều dưỡng CĐ	007158/TB-CCHN	Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng nha khoa	15/6/2017
	Hướng dẫn thực hành Hộ Sinh				

1	Bùi Thị Huyền	Hộ sinh cao đẳng	005450/ĐNAI-CCHN	Theo Thông tư số 12/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh	01/11/2013
2	Đàm Thị Thu Hằng	Hộ sinh cao đẳng	008042/TB-CCHN	Theo Thông tư số 12/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh	01/07/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ PHÚC SƠN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02
BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHÚC SƠN

(Kèm theo Bản công bố số 190 /BCB-BVPS của Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn ngày 01/07/2024)

STT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận	Ghi chú
1	Bác sỹ chuyên khoa Nội	7	
2	Bác sỹ Y khoa	30	
3	Bác sỹ chuyên khoa Ngoại	5	
4	Bác sỹ chuyên khoa Sản	5	
5	Bác sỹ chuyên khoa Nhi	5	
6	Bác sỹ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	5	
7	Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức	5	
8	Bác sỹ chuyên Răng Hàm Mặt	15	
9	Bác sỹ chuyên khoa Tai Mũi Họng	5	
10	Bác sỹ chuyên khoa Mắt	5	
11	Bác sỹ chuyên khoa Y học cổ truyền	10	
12	Bác sỹ chuyên khoa Phục hồi chức năng	5	
13	Bác sỹ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	5	
14	Y sỹ Y học cổ truyền	5	
15	Y sỹ đa khoa	17	
16	Kỹ thuật hình ảnh y học	10	
17	Kỹ thuật xét nghiệm y học	5	
18	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	5	
19	Điều dưỡng	80	
20	Hộ sinh	5	
	Tổng cộng	**239**	